TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 139/2023/DS-PT
Ngày: 09-02-2023
V/v: Tranh chấp về đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Huỳnh Tú

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Mỹ Nhung

2. Bà Huỳnh Thị Như Hà

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Từ Thanh Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đỗ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/01/2023, ngày 13/01/2023 và ngày 09/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5834/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 19625/2022/QĐ-PT ngày 15/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 20288/2022/QĐ-PT ngày 30/12/2022, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 515/2023/QĐPT-DS ngày 09/01/2023 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 516/2023/QĐPT-DS ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trường Cao đẳng V**

Địa chỉ: 160/72 đường P, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp gồm:

- Ông **Vũ Xuân H**, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: 29 đường A, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Nguyễn Cao TH**, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: 18/6 đường V, ấp X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Theo Giấy ủy quyền ngày 03/09/2020)*

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm: 1958; (có mặt ngày 09/01/2023, vắng mặt các ngày 13/01/2023 và ngày 09/02/2023)

Địa chỉ: 82/36 đường T, Phường C, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ông **Nguyễn Sơn T1**, sinh năm 1975; (có mặt ngày 09/01/2023, vắng mặt các ngày 13/01/2023 và ngày 09/02/2023)

(Theo Giấy ủy quyền số 12820 lập ngày 27/12/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Lê Nghĩa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Nguyễn Tuấn A,** thuộc Văn phòng luật sư Quốc tế H – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 292 đường Z, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo:

3.1 Trường Cao đẳng V – Nguyên đơn.

3.2 Bà Trần Thị Kim T – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/07/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Trường Cao đẳng V có người đại diện theo ủy quyền là Ông Vũ Xuân H, bà Nguyễn Cao Th trình bày:

Cuối năm 2017, Trường Cao đẳng V (viết tắt là Trường cao đẳng hoặc Nhà trường) có nhờ Bà Trần Thị Kim T làm thủ tục đáo hạn một khoản nợ tại Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng) với số nợ khoảng 71.994.998.795 đồng, sau này Ngân hàng cung cấp chính xác số liệu thì Nhà trường mới biết số nợ là 67.973.830.000 đồng chưa tính tiền lãi.

Ngày 15/12/2017, Bà T yêu cầu Nhà trường ký Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ với số tiền vay là 78.994.998.795 đồng. Thực tế Nhà trường không nhận trực tiếp tiền mặt 78.994.998.795 đồng từ Bà T mà số tiền này Bà T đã trả cho Ngân hàng hộ Nhà trường trước đó.

Trước khi ký Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ ngày 15/12/2017, từ ngày 30/11/2017 đến ngày 02/12/2017, Nhà trường đã chuyển cho Bà T số tiền là 7.000.000.000 đồng để cùng góp với Bà T vào số tiền cần trả cho Ngân hàng (trong đó 6.950.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Bà T, 50.000.000 đồng

do ông Nguyễn Văn L - nhân viên phòng kế toán Nhà trường đưa trực tiếp cho Bà T). Trong vụ án Tòa án nhân dân quận G giải quyết, Bà T đã thừa nhận có nhận của Nhà trường 7.000.000.000 đồng trước khi ký Hợp đồng vay số 01/2017/HĐ.

Bà T được sự ủy quyền của Nhà trường theo Giấy ủy quyền ngày 25/11/2017 đã thay mặt Nhà trường trả hết số nợ của Nhà trường với Ngân hàng N. Tổng số tiền Bà T đã trả cho Ngân hàng để tất toán nợ cho Nhà trường là 76.639.127.830 đồng, trong đó Nhà trường đã góp 7.000.000.000 đồng cho Bà T.

Như vậy, Nhà trường đã cùng góp với Bà T số tiền 7.000.000.000 đồng để phía Bà T tiện giải ngân giúp Nhà trường khoản nợ vay của Ngân hàng. Tuy nhiên, vào tháng 04/2019, Bà T đã nộp đơn khởi kiện Nhà trường tại Tòa án nhân dân quận G yêu cầu thanh toán cả tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ ngày 15/12/2017 nhưng không khấu trừ khoản tiền 7.000.000.000 đồng cho Nhà trường. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân quận G, Bà T cho rằng khoản tiền 7.000.000.000 đồng là một giao dịch khác, không liên quan gì đến Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ. Tại Bản án số 606/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận G đã nhận định số tiền 7.000.000.000 đồng Nhà trường chuyển cho Bà T diễn ra trước thời điểm ký Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ ngày 15/12/2017 nên không chấp nhận khấu trừ số tiền 7.000.000.000 đồng của Nhà trường đã góp cho Bà T vào số nợ của Nhà Trường với Bà T theo Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ ngày 15/12/2017.

Do đó, Trường Cao đẳng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận K, yêu cầu Bà Trần Thị Kim T trả lại số tiền 7.000.000.000 đồng mà Nhà trường đã đưa cho Bà T để Bà T trả nợ giúp Nhà trường nhưng Bà T không dùng số tiền này để trả nợ cho Ngân hàng. Yêu cầu Bà T phải trả thêm số tiền lãi do Bà T chậm hoàn trả số tiền 7.000.000.000 đồng cho Nhà trường tính từ ngày 15/12/2017 (là ngày hoàn tất việc trả nợ Ngân hàng nhưng Bà T không dùng số tiền 7.000.000.000 đồng của Nhà trường để trả cho Ngân hàng) đến ngày 15/11/2020 (làm tròn 35 tháng) là 2.695.000.000 đồng (lãi suất là 10%/năm).

Việc Bà T làm giải chấp nợ vay Ngân hàng cho Nhà trường không có phí dịch vụ. Tại Điều 5 trong Giấy ủy quyền số 17/UQ-CĐSG ngày 25/11/2017 đã ghi rõ việc ủy quyền không tính thù lao. Bà T giúp Nhà trường giải chấp là do lúc đó Bà T và Nhà trường có mối quan hệ thân tình, Bà T chuẩn bị góp vốn tham gia thành viên Hội đồng quản trị của Nhà trường.

Khi liên lạc với Ngân hàng N - Chi nhánh An Phú để cung cấp tài liệu cho Tòa án, Nhà trường mới phát hiện ra sự việc: Khi tất toán hợp đồng vay vào năm 2017, Ngân hàng có giảm tiền lãi cho Nhà trường số tiền là 2.355.870.965 đồng theo Thông báo số 881/CNAP-KHDN/MGL ngày 02/11/2017 nhưng Bà T không trả lại cho Nhà trường. Trường Cao đẳng không nhận được các thông báo của Ngân hàng mà do Bà T nhận vì lúc đó Nhà trường đã giao hết cho Bà T xử

lý việc trả nợ cho Nhà trường theo Giấy ủy quyền số 17/UQ-CĐSG ngày 20/10/2017, công chứng hợp thức hoá ngày 25/11/2017 về việc ủy quyền cho Bà T tiến hành các thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm, nhận hồ sơ tài sản bảo đảm tại Ngân hàng N.

Nhà trường phải vay của Bà T số tiền 78.994.998.795 đồng để trả cho Ngân hàng N, đây là số tiền do Bà T đặt ra và chưa trừ đi số tiền được miễn giảm là 2.355.870.965 đồng.

Do đó Trường cao đẳng yêu cầu Bà Trần Thị Kim T phải trả cho Nhà trường số tiền 2.355.870.965 đồng và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 15/12/2017 (là ngày hoàn tất việc trả nợ Ngân hàng và Nhà trường phải ký Hợp đồng số 01/2017 vay của Bà T số tiền 78.994.998.795 đồng) đến ngày 15/11/2020 (làm tròn 35 tháng) là 687.042.649 đồng (lãi suất là 10%/năm).

Tổng số tiền Trường cao đẳng yêu cầu Bà T phải trả là: 12.737.913.614 đồng. Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại bản khai ngày 20/05/2020, ngày 16/08/2020, ngày 27/09/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Bà Trần Thị Kim T và đại diện bị đơn là ông Quảng Khoa T1 trình bày:

Bà T thừa nhận có nhận của Trường cao đẳng số tiền 6.950.000.000 đồng như bảng liệt kê chi tiết tại Công văn số 44-19/CV-CĐSG ngày 17/5/2019 của Ngân hàng gửi Trường cao đẳng và 50.000.000 đồng Nhà trường giao trực tiếp cho Bà T. Tổng cộng số tiền 7.000.000.000 đồng là tiền dịch vụ Nhà trường chuyển cho Bà T để thực hiện việc lấy sổ đất cơ sở 1 và cơ sở 2 cho Nhà trường, điều này thể hiện rõ trong các nội dung chuyển tiền. Công việc dịch vụ giải ngân lấy sổ đất Bà T đã hoàn thành theo yêu cầu của Nhà trường nên Bà T không có nghĩa vụ trả lại số tiền dịch vụ cho Nhà trường.

Chứng cứ chứng minh 7.000.000.000 đồng là phí dịch vụ Trường cao đẳng phải trả cho Bà T là:

- Email ngày 20/10/2017 của bà Nguyễn Kim L (bà Loan là vợ của ông Ch – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Nhà trường) chuyển cho Bà T kèm Hợp đồng giải chấp và vay vốn ngân hàng, nội dung tại Điều 6 thể hiện Nhà trường trả cho Bà T chi phí thực hiện hợp đồng là 7.000.000.000 đồng.

- Công văn số: 55-18/CV-CĐSG của Trường cao đẳng gửi ông Vương Hoàng L11, đại diện tín dụng của Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Tây Sài Gòn có nội dung: *"... Do sơ suất của nhân viên thư ký nhà trường đã dùng nội dung cũ trước đây làm việc với một ngân hàng khác mà quên xóa đi dòng chữ HĐQT đã thanh toán phí vay đáo hạn là 7 tỷ đồng cho Bà Trần Thị Kim T, đồng thời đã ghi thiếu nội dung là HĐQT đồng ý bổ nhiệm Bà Trần Thị Kim T làm Trưởng ban kiểm soát"*.

Ngoài ra, Bà T chưa từng là thành viên Hội đồng quản trị của Nhà trường, cũng không phải là nhân sự của Nhà trường nên Bà T không thể làm dịch vụ cho Nhà trường mà không lấy phí dịch vụ, trong khi để giải chấp cho Nhà trường Bà

T đã phải đi vay mượn huy động vốn từ người nhà, người quen thể hiện tại các hợp đồng vay tiền Bà T đã nộp.

Số tiền 7.000.000.000 đồng là khoản phí dịch vụ chứ không phải là tiền Trường cao đẳng góp để đáo hạn như Nhà trường trình bày nên Bà T không đồng ý trả lại.

Số tiền 2.355.870.965 đồng mà Trường cao đẳng cho rằng là tiền Ngân hàng giảm lãi cho Nhà trường nhưng Bà T không đưa lại. Số tiền Nhà trường được Ngân hàng giảm lãi là quan hệ giữa Nhà trường và Ngân hàng, cá nhân Bà T không liên quan đến số tiền này nên Bà T không đồng ý trả lại.

Bà T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Trường cao đẳng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn trình bày bổ sung:

Ngoài tổng số tiền 5.800.000.000 đồng Trường cao đẳng chuyển cho Bà T ghi nội dung để giải ngân thì số tiền 1.200.000.000 đồng chuyển ngày 01/12/2017 cũng là số tiền Nhà trường góp với Bà T để giải ngân mặc dù nội dung chuyển tiền không ghi rõ mục đích là để giải ngân vì: Tại Điều 5 Giấy ủy quyền số 17/UQ-CĐSG ngày 25/11/2017 của Trường cao đẳng ủy quyền cho Bà T tiến hành các thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm, nhận hồ sơ tài sản bảo đảm tại Ngân hàng ghi rõ việc ủy quyền không tính thù lao. Bà T giúp Nhà trường làm thủ tục giải chấp nợ vay Ngân hàng không có phí dịch vụ là do lúc đó Bà T và Nhà trường có mối quan hệ thân tình, Bà T chuẩn bị góp vốn tham gia thành viên Hội đồng quản trị của Nhà trường thể hiện tại biên bản họp Hội đồng quản trị của Trường cao đẳng ngày 27/11/2017. Sau đó Bà T đã được ghi tên vào thành viên Hội đồng quản trị của Trường cao đẳng nhiệm kỳ 2018-2023 theo Quyết định số 690/QĐ-TCGDNN ngày 22/06/2018 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, sau này Bà T rút ra khỏi Hội đồng quản trị và được thay thế thành viên khác.

Việc Trường cao đẳng mới biết Ngân hàng có giảm tiền lãi cho Nhà trường số tiền là 2.355.870.965 đồng là do thời điểm giải ngân mọi giao dịch giữa Nhà trường và Ngân hàng đều do Bà T được Nhà trường ủy quyền thực hiện, mọi thông báo của Ngân hàng cho Nhà trường đều do Bà T nhận. Kế toán Nhà trường thiếu sót là không theo dõi sổ phụ của Ngân hàng để biết thông tin sớm thì Trường cao đẳng sẽ vay Bà T số tiền là 76.639.127.830 đồng thay vì phải vay số tiền 78.994.998.795 đồng khi chưa được giảm tiền lãi.

Tại vụ án mà Tòa án nhân dân quận G giải quyết, Trường cao đẳng đã có phản tố yêu cầu cấn trừ số tiền 7.000.000.000 đồng vào số tiền vay 78.994.998.795 đồng nhưng không được chấp nhận giải quyết chung trong vụ án vì Bà T cho rằng đây là số tiền khác không liên quan gì đến số nợ giữa hai bên. Như vậy số tiền 7.000.000.000 đồng Trường cao đẳng góp với Bà T để giải ngân chưa được giải quyết nên Nhà trường mới khởi kiện Bà T bằng vụ án này.

Trường cao đẳng yêu cầu Bà Trần Thị Kim T:

- Trả lại số tiền 7.000.000.000 đồng, là số tiền Nhà trường đã đưa Bà T để trả nợ cho Ngân hàng N nhưng Bà T không dùng để trả nợ cho Ngân hàng;

- Tiền lãi phát sinh do Bà T chậm hoàn trả số tiền 7.000.000.000 đồng cho Nhà trường, tính từ ngày 03/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/01/2021 (làm tròn 03 năm), với lãi suất 10%/năm là: 7.000.000.000 đồng x 03 năm x 10%/năm = 2.100.000.000 đồng.

- Trả lại số tiền 2.355.870.965 đồng, là số tiền mà Ngân hàng N giảm tiền lãi cho Nhà trường nhưng Bà T không đưa lại cho Nhà trường;

- Tiền lãi phát sinh do Bà T chậm hoàn trả số tiền 2.355.870.965 đồng cho Nhà trường, tính từ ngày 15/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/01/2021 (làm tròn 03 năm), với lãi suất 10%/năm là: 2.355.870.965 đồng x 03 năm x 10%/năm = 706.761.000 đồng (làm tròn).

Tổng số tiền Trường cao đẳng yêu cầu Bà T phải trả là: 12.162.631.000 đồng (làm tròn).

Bị đơn – Bà Trần Thị Kim T và đại diện theo ủy quyền là ông Quảng Khoa Toản trình bày bổ sung:

Trường cao đẳng đã bị vướng vào nợ xấu (nhóm 4) từ tháng 7/2017. Theo thông báo số 523/CNAP-KHKD/TB ngày 22/07/2017 của Ngân hàng N – Chi nhánh An Phú. Bà T là người đi thương thảo với Ngân hàng giúp Nhà trường được giảm tiền lãi, đồng thời Bà T phải đi vay tiền người quen cho Nhà trường vay lại để có tiền giải ngân, thoát khỏi nợ xấu. Do đó việc Nhà trường trả chi phí giải ngân cho Bà T số tiền 7.000.000.000 đồng để bù vào những khoản Bà T đã bỏ ra là lẽ thông thường. Tuy nhiên thực tế Bà T chỉ nhận của Nhà trường số tiền là 6.950.000.000 đồng. Số tiền 50.000.000 đồng Nhà trường cho rằng ông Lợi chuyển cho Bà T ngày 02/12/2017 Bà T không thừa nhận. Trước đây do người đại diện theo ủy quyền của Bà T không nắm sự việc nên có khai Bà T nhận là không đúng sự thật.

Ngày 20/10/2017, bà Nguyễn Kim L là người của Nhà trường chuyển email cho Bà T kèm Hợp đồng giải chấp và vay vốn ngân hàng, tại Điều 6 thể hiện Nhà trường trả cho Bà T chi phí thực hiện hợp đồng là 7.000.000.000 đồng. Biên bản họp Hội đồng quản trị của Trường cao đẳng ngày 27/11/2017 tại Điều 4.4.1 cũng bàn đến việc Nhà trường sẽ mượn của Bà T số tiền 78.994.998.795 đồng. Ngoài ra, tại Công văn số: 55-18/CV-CĐSG của Trường cao đẳng gửi ông Vương Hoàng L11, đại diện tín dụng của Ngân hàng Vietinbank – CN Tây Sài Gòn cũng có nhắc đến nội dung Nhà trường thanh toán phí đáo hạn là 7.000.000.000 đồng cho Bà T.

Bà T cho Trường cao đẳng vay tiền để trả nợ thì cũng phải chuyển tiền vào tài khoản của Nhà trường để trả cho Ngân hàng nên việc Trường cao đẳng khai cùng góp với Bà T 7.000.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng thì tại sao lại phải chuyển tiền vào tài khoản của Bà T mà không chuyển trực tiếp vào tài khoản của Nhà trường để trừ nợ. Tại sao thời điểm ký hợp đồng vay Bà T số tiền

78.994.998.795 đồng Trường Cao đẳng không tự trừ số tiền đã góp là 7.000.000.000 đồng.

Qua các tài liệu chứng cứ trên đã chứng minh số tiền 7.000.000.000 đồng Trường cao đẳng chuyển cho Bà T là chi phí Bà T giúp Nhà trường giải ngân.

Về số tiền lãi Ngân hàng giảm cho Trường cao đẳng không liên quan gì đến Bà T. Thông qua các thông báo của Ngân hàng gửi Trường cao đẳng và sổ phụ ngân hàng mà kế toán Trường cao đẳng thường xuyên phải cập nhập theo dõi thì Trường cao đẳng đã biết được Ngân hàng giảm tiền lãi nhưng vẫn chấp nhận vay của Bà T số tiền 78.994.998.795 đồng theo Thông báo số 1000/CNAP-KHDN ngày 23/11/2017 của Ngân hàng.

Do đó, Bà T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Trường Cao đẳng.

Ngày 25/01/2021, Bà T có nộp thêm 14 giấy nộp tiền thể hiện từ ngày 25/12/2017 đến ngày 09/01/2018 Bà T có nhờ người chuyển vào tài khoản của Trường cao đẳng tổng số tiền là 1.984.000.000 đồng. Đây là khoản tiền Bà T chuyển cho Nhà trường để trừ vào số tiền Trường cao đẳng được giảm lãi nhưng vẫn vay của Bà T số tiền lúc chưa giảm là 78.994.998.795 đồng, đó là thiện chí của Bà T. Tuy nhiên do Trường cao đẳng yêu cầu Bà T phải trả lại số tiền lãi Nhà trường được giảm là 2.355.870.965 đồng nên tại phiên tòa Bà T yêu cầu được cấn trừ số tiền 1.984.000.000 đồng Bà T đã chuyển cho Nhà trường vào số tiền Nhà trường yêu cầu Bà T phải trả.

Ngoài ra, Bà T yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án vì Tòa án chưa đưa ông Vũ Khắc Ch, ông Nguyễn Văn L2, Ngân hàng N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bởi lẽ, ông Ch, ông L2 là người chuyển vào tài khoản của Bà T tổng số tiền là 1.750.000.000 đồng, còn Ngân hàng là bên giảm cho Nhà trường số tiền lãi là 2.355.870.965 đồng.

Trường hợp bị đơn phải chịu án phí thì Bà T đề nghị được miễn nộp án phí vì Bà T sinh năm 1958 là người cao tuổi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 27/01/2021 của Toà án nhân dân Quận K đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Trường Cao đẳng V.

Bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho Trường Cao đẳng V số tiền 10.537.632.254 đồng *(mười tỉ, năm trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng)* (gồm 5.750.000.000 đồng tiền góp giải ngân, 2.355.870.965 đồng tiền lãi trường được giảm, 2.431.761.289 đồng tiền lãi do chậm thanh toán).

Kể từ ngày Trường Cao đẳng V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Bà Trần Thị Kim T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Trường Cao đẳng V về yêu cầu Bà Trần Thị Kim T phải trả thêm số tiền góp giải ngân và tiền lãi chậm trả không đúng quy định là: 1.624.998.746 đồng *(một tỉ, sáu trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng).*

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim T được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Trường Cao đẳng V chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 60.749.962 đồng *(sáu mươi triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi hai đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.500.000 đồng *(năm mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2019/0014430 ngày 06/03/2020 và 56.386.402 đồng *(năm mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm lẻ hai đồng)* theo biên lai số: AA/2019/0014771 ngày 07/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho Trường Cao đẳng V số tiền án phí là 53.136.440 đồng *(năm mươi ba triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, nguyên đơn Trường Cao đẳng V nộp đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, bị đơn Bà Trần Thị Kim T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo:

Thứ nhất, đối với số tiền 1.200.000.000đồng, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ ngày 01/12/2017, Trường cao đẳng chuyển khoản cho Bà Trần Thị Kim T có ghi nội dung "*Chuyển chi phí lấy sổ đất"*, để cho rằng số tiền này là phí dịch vụ Bà T làm thủ tục giải ngân cho Nhà trường và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nội dung này. Nguyên đơn không đồng ý vì: Bà T được Nhà trường ủy quyền làm thủ tục giải ngân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chi nhánh An Phú cho Nhà trường, giữa Bà T và Nhà trường không hề có bất kỳ một thỏa thuận nào về tiền công, phí dịch vụ. Mặt khác, Bà T giúp Nhà trường làm thủ tục giải nhân không có thù lao là do lúc đó Bà T đang là thành viên của Nhà trường và đang mong muốn có những vị trí quan trọng trong Trường. Tại Điều 5, Giấy ủy quyền số 70 - CĐSG ký ngày 20/10/2017 và công chứng ngày 25/11/2017 cũng thoả thuận rõ ràng việc giải ngân số tiền Nhà trường đang nợ ngân hàng là *"Không tính thù lao".*

Nhà trường đã thanh toán đầy đủ cho Bà T chi phí dịch vụ, tiền công, tiền xăng xe, trà nước và tiền Bà T nhờ Luật sư hỗ trợ làm thủ tục giải ngân... Tổng số tiền là 33.000.000đồng.

Đại diện nguyên đơn rút kháng cáo đối với yêu cầu số tiền 50.000.000đồng do ông Nguyễn Văn L2 trực tiếp giao tiền mặt cho bà Trần Thị Kim T.

Do đó, nguyên đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 27/01/2021 của Toà án nhân dân Quận K theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn đòi lại số tiền gốc 1.200.000.000đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu số tiền 50.000.000đồng.

Luật sư và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án một cách khách quan khi tuyên buộc bị đơn Bà T phải thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền hơn 10.537.632.230 đồng là gây thiệt hại và xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bà T. Bởi:

Toàn bộ số tiền trên là Bà T làm dịch vụ cho nhà trường để giao dịch, thương lượng, chi phí luật sư... và các chi phí khác trong khi đó nhà trường đang là nợ xấu nhóm 5 và không có khả năng chi trả. Bà T với nhà trường có thỏa thuận bằng văn bản dự thảo hợp đồng và đại diện phía nhà trường cũng đã gửi nội dung thống nhất qua email của Bà T nhưng Tòa án vẫn không xem xét mà vẫn buộc Bà T trả lại tiền cho nhà trường. Ngày 02/12/2017, ông Nguyễn Văn Lợi chuyển vào tài khoản của Bà T số tiền là 500.000.000 đồng không ghi nội dung chuyển tiền thế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là tiền mà nhà trường chuyển cho Bà T để giải ngân là không có căn cứ.

Toàn bộ số tiền trên phía nhà trường đã yêu cầu trong một vụ án khác và đã xét xử, hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật thi hành. Tại cấp sơ thẩm, cấp phúc đều bác bỏ yêu cầu số tiền 07 tỷ đồng. Do đó, không có căn cứ để Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nhà trường.

Về số tiền lãi Ngân hàng giảm cho Trường cao đẳng không liên quan gì đến Bà T. Thông qua các thông báo của Ngân hàng gửi Trường cao đẳng và sổ phụ ngân hàng mà kế toán Trường cao đẳng thường xuyên phải cập nhập theo dõi thì Trường cao đẳng đã biết được Ngân hàng giảm tiền lãi nhưng vẫn chấp nhận vay của Bà T số tiền 78.994.998.795 đồng theo Thông báo số 1000/CNAP-KHDN ngày 23/11/2017 của Ngân hàng.

Đại diện bị đơn rút kháng cáo đối với yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Vũ Khắc Ch, ông Nguyễn Văn L2 và Ngân hàng N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do đó, bị đơn Bà T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Trường Cao đẳng V. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo liên quan đến Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Vũ Khắc Ch, ông Nguyễn Văn L2 và Ngân hàng N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, rút một phần yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, rút một phần yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không có phương án hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của Trường Cao đẳng V, Bà Trần Thị Kim T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 02 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của Trường Cao đẳng V, chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Trần Thị Kim T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 27/01/2021 của Toà án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung bản phát biểu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của Trường Cao đẳng V và đơn kháng cáo của Bà Trần Thị Kim T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 104/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 05/4/2021 đối với bản án số 440/2020/DS-PT ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 112/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2021.

Ngày 14/9/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 243/2022/DS-GĐT ngày 14/9/2022 đối

với Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 104/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 05/4/2021 nêu trên. Vì vậy, lý do tạm đình chỉ là không còn, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xét xử vụ án trên.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Bà Trần Thị Kim T rút kháng cáo đối với yêu cầu đưa ông Vũ Khắc Ch; ông Nguyễn Văn L2 và Ngân hàng N tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm không đưa những người trên tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Bởi lẽ:

Ngày 01/12/2017 và ngày 02/12/2017, ông Vũ Khắc Ch có chuyển vào tài khoản của Bà T tổng số tiền là 1.250.000.000 đồng. Ngày 02/12/2017, ông Nguyễn Văn L2 có chuyển vào tài khoản của Bà T số tiền là 500.000.000 đồng. Trường cao đẳng khai ngày 02/12/2017 ông Nguyễn Văn L2 giao thêm cho Bà T số tiền là 50.000.000 đồng.

Xét thấy, ông Ch và ông L2 đều xác nhận các khoản tiền trên là ông Ch và ông L thay Trường cao đẳng chuyển cho Bà T chứ không phải tiền riêng của cá nhân ông Ch và ông L2 nên đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng. Đại diện bị đơn cũng thừa nhận Bà T có nhận của Trường cao đẳng tổng số tiền là 7.000.000.000 đồng bao gồm khoản tiền 1.750.000.000 đồng do ông Ch, ông L2 chuyển khoản và 50.000.000 đồng do ông L2 chuyển riêng nhưng tại phiên tòa Bà T không thừa nhận có nhận 50.000.000 đồng từ ông L2 chuyển riêng. Do đó, không cần thiết đưa ông Ch và ông L2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đình chỉ vụ án theo yêu cầu của bị đơn

Trường cao đẳng căn cứ vào việc Ngân hàng N giảm lãi cho Nhà trường số tiền 2.355.870.965 đồng để yêu cầu Bà T trả lại số tiền này vì cho rằng Nhà trường không biết việc được Ngân hàng giảm tiền lãi nên đã chấp nhận vay của Bà T số tiền 78.994.998.795 đồng khi chưa trừ đi số tiền được giảm. Xét Trường cao đẳng và Bà T không có yêu cầu gì đối với Ngân hàng trong vụ án trên, ngoài ra Trường cao đẳng đã tất toán các khoản nợ với Ngân hàng. Do đó, không cần thiết đưa Ngân hàng N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đình chỉ vụ án theo yêu cầu của bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim đối với yêu cầu về khoản tiền 7.000.000.000 đồng và tiền lãi:

[2.1] Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bên đều xác định Trường Cao đẳng V đã chuyển vào tài khoản cho Bà Trần Thị Kim T nhiều lần với tổng số tiền là 6.950.000.000 đồng, vào các ngày 30/11/2017, ngày 01/12/2017 và ngày 02/12/2017, được liệt kê chi tiết tại Công văn số 44-19/CV-CĐSG ngày 17/05/2019 của Trường cao đẳng, đã được Ngân hàng N – Chi nhánh An Phú xác nhận, có nội dung chuyển tiền là để giải ngân lấy sổ đất cơ sở 1 và cơ sở 2. Riêng lần chuyển số tiền 500.000.000 đồng ngày 02/12/2017 không ghi nội dung chuyển nhưng Trường cao đẳng đã xác định số tiền này cũng là tiền giải ngân nhưng khi chuyển ông L2 quên ghi nội dung.

Trường cao đẳng giải thích do Nhà trường phải trả khoản nợ đã vay từ năm 2013 cho Ngân hàng N – Chi nhánh An Phú nên Nhà trường đã nhờ và chuyển số tiền trên cho Bà T để cùng góp với Bà T vào số tiền cần phải trả cho Ngân hàng.

Tuy nhiên, bị đơn bà T lại cho rằng số tiền 7.000.000.000 đồng là chi phí dịch vụ mà hai bên đã thống nhất nhà trường sẽ trả cho bà T để thực hiện việc giải ngân, làm thủ tục đáo hạn ngân hàng khoản nợ tại Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh An Phú với số nợ là 78.994.998.757 đồng để lấy sổ đất cơ sở 1 và cơ sở 2 cho Nhà trường. Thực tế nhà trường chỉ chuyển cho bà T phí dịch vụ là 6.950.000.000 đồng, đây là thể hiện ý chí, thiện chí của nhà trường.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà T cung cấp bản photo các chứng cứ mới gồm: Công văn số 02-19/CV-CĐSG ngày 05/01/2019 của Trường Cao đẳng V gửi bà Trần Thị Kim T; Văn bản đề: "Chuẩn bị chương trình họp ngày 05/7/2018" của ông Vương Hoàng L1 gửi bà Trần Thị Kim T; bản cam kết ngày 28/12/2022 của ông Hoàng Uy B; Văn bản ngày 23/11/2017 của Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh An Phú; các đường link email ngày 18/8/2017, 11/8/2017, 15/10/2017, 19/10/2017, 27/12/2017 và ngày 05/7/2018.

[2.3] Xét tại email ngày 15/10/2017 và ngày 20/10/2017 của bà Nguyễn Kim L chuyển cho bà T kèm hợp đồng giải chấp và vay vốn ngân hàng giữa Bên A (Bên cho vay) là bà Trần Thị Kim T và Bên B (Bên vay) là Trường Cao đẳng V, tại Điều 2 của hợp đồng thể hiện: Bên A cho Bên B vay để giải chấp ngân hàng với số tiền 78.000.000.000 đồng, Bên B sẽ vay vốn ngân hàng trung hạn hoặc dài hạn sau khi giải chấp xong bằng tài sản đảm bảo của Bên B với thời gian vay ngân hàng là 05 ngày sau khi giải chấp xong, sau khi giải chấp và vay vốn ngân hàng Bên A sẽ nhận lại tiền giải chấp từ vốn vay tại ngân hàng, Bên A thay mặt Bên B vay tại Ngân hàng bằng tài sản của Bên B bao gồm: quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất tại nhà số 83/1 Phan Huy Ích, Phường 12, quận Gò Vấp và nhà số 53/1 Khu phố 5, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Điều 6 của Hợp đồng trên thể hiện Trường cao đẳng sẽ giao cho bà T chi phí thực hiện hợp đồng là 7.000.000.000 đồng khi bà T thực hiện hoàn tất 02 giao dịch nêu trên: giải chấp và vay vốn ngân hàng.

Thực hiện theo thỏa thuận trên, Trường cao đẳng đã ủy quyền cho Bà T xử lý việc trả nợ cho Nhà trường theo Giấy ủy quyền số 17/UQ-CĐSG ngày 20/10/2017, công chứng ngày 25/11/2017 về việc ủy quyền cho Bà T tiến hành các thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm, nhận hồ sơ tài sản bảo đảm tại Ngân hàng. Căn cứ theo đó, bà T đã thực hiện tất toán hợp đồng vay tiền của Trường cao đẳng tại Ngân hàng Agribank - chi nhánh An Phú, giải chấp tài sản đảm bảo và nhận lại giấy chứng nhận của 02 nhà đất số 83/1 Phan Huy Ích, Phường 12, quận Gò Vấp và nhà đất số 53/1 Khu phố 5, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại biên bản họp hội đồng quản trị số 09-17/BB-HĐQT ngày 27/11/2017 của Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Sài Gòn đã thông qua và biểu quyết tán thành đối với việc Nhà trường mượn của bà T số tiền 78.994.998.795 đồng, tài sản thế chấp cho bà T để đảm bảo cho việc vay trả nợ ngân hàng gồm: bản chính Giấy chứng nhận của 02 nhà đất tại số 83/1 Phan Huy Ích, Phường 12, quận Gò Vấp và nhà số 53/1 Khu phố 5, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào các ngày 30/11/2017, ngày 01/12/2017 và ngày 02/12/2017, Trường Cao đẳng đã chuyển cho Bà T nhiều lần với tổng số tiền là 6.950.000.000đồng, được liệt kê chi tiết tại Công văn số 44-19/CV-CĐSG ngày 17/05/2019 của Trường cao đẳng, đã được Ngân hàng N – Chi nhánh An Phú xác nhận.

Ngày 15/12/2017 Trường cao đẳng ký hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ để vay của Bà T số tiền 78.994.998.795 đồng.

Tại Công văn số 31-18/CV-CĐSG ngày 17/5/2018, Công văn số 109-18/CV-CĐSG ngày 29/11/2018 và Công văn số 02-19/CV-CĐSG ngày 05/01/2019 của Trường cao đẳng gửi bà T đều có nội dung xác nhận về việc Trường cao đẳng nhờ bà T đứng tên vay hộ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh Tây Sài Gòn số tiền 78.994.998.795 đồng với tài sản bảo lãnh gồm: Tài sản tại nhà đất số 83/1 Phan Huy Ích, Phường 12, quận Gò Vấp và nhà đất 53/1 Phan Văn Hớn, đường Tân Thới Nhất 8, Khu phố 5, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Văn bản đề: "Chuẩn bị chương trình họp ngày 05/7/2018" của ông Vương Hoàng L – là đại diện ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Tây Sài Gòn gửi bà Trần Thị Kim Thanh, tại mục 2.1 có ghi nội dung: "Bà Trần Thị Kim Thanh là nhà đầu tư có khả năng tài chính để thực hiện trả nợ số tiền vay 78,9 tỷ đồng mà Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và du lịch Sài Gòn đã vay của Agribank và có bà Trần Thị Kim Thanh đủ uy tín với Ngân hàng Vietinbank để thực hiện vay với tên cá nhân cho Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật và du lịch Sài Gòn vay lại số tiền; Vào tháng 12 năm 2017, bà Trần Thị Kim Thanh đã thực hiện hỗ trợ Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật và du lịch Sài Gòn thanh lý hợp đồng vay tiền của Agribank với phí vay đáo hạn là 7 tỷ đồng (do HĐQT cũ chi trả)…".

Tại Công văn số: 55-18/CV-CĐSG ngày 06/07/2018 của Trường cao đẳng gửi ông Vương Hoàng L1, đại diện tín dụng của Ngân hàng Vietinbank – CN Tây Sài Gòn cũng có nhắc đến nội dung Nhà trường đã thanh toán phí đáo hạn là 7.000.000.000 đồng cho Bà T.

Như vậy, các chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc: bà T thực hiện việc giải chấp khoản vay của Trường cao đẳng tại Ngân hàng Agribank để lấy sổ đất cơ sở 1 và cơ sở 2 của Nhà trường, điều này thể hiện rõ trong các nội dung chuyển tiền. Sau đó bà Trần Thị Kim Thanh đứng tên cá nhân vay hộ cho Trường Cao đẳng vay tiền tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Tây Sài Gòn bằng tài sản bảo đảm của nhà trường

là nhà đất A (cơ sở 1) và nhà đất B (cơ sở 2) và Trường Cao đẳng đã thanh toán cho Bà T chi phí đáo hạn 7.000.000.000 đồng (thực tế là 6.950.000.000 đồng), là đúng như thỏa thuận tại hợp đồng giải chấp và vay vốn ngân hàng được đính kèm với các email ngày 15/10/2017 và ngày 20/10/2017.

Mặc dù các email này không phải là chứng cứ trực tiếp chứng minh chi phí mà Nhà trường thỏa thuận trả cho bà T, và giữa Nhà trường với Bà T cũng không ký kết hợp đồng giải chấp và vay vốn ngân hàng được đính kèm với các email này, nhưng chứng cứ này phù hợp với lời khai và các chứng cứ khác mà bà T cung cấp đã được viện dẫn nêu trên. Hơn nữa, người gửi email là bà Nguyễn Kim L cũng là thành viên Hội đồng quản trị nhà trường thể hiện tại biên bản họp hội đồng quản trị số 09-17/BB-HĐQT ngày 27/11/2017 của Trường Cao đẳng V (Bút lục số 132 – 135) và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của Nhà trường cũng thừa nhận tại thời điểm này bà L đảm nhiệm chức vụ Hiệu phó của nhà trường.

Bà T đã hoàn tất công việc dịch vụ giải chấp và vay vốn ngân hàng cho Trường cao đẳng nên việc Trường cao đẳng đã thanh toán chi phí cho Bà T 7.000.000.000 đồng (thực tế Trường cao đẳng chỉ chuyển 6.950.000.000 đồng) là ý chí tự nguyện của Nhà trường, không trái pháp luật.

Do đó, bà T cho rằng số tiền 6.950.000.000 đồng mà Trường cao đẳng đã chuyển cho bà là tiền chi phí để thực hiện việc giải ngân tại Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Nguyên đơn căn cứ tại Điều 5 của Giấy ủy quyền số 17/UQ-CĐSG ngày 25/11/2017 để cho rằng việc ủy quyền không tính thù lao, Bà T giúp Nhà trường làm thủ tục giải ngân không có thù lao là do lúc đó Bà T và Nhà trường có mối quan hệ thân tình, Bà T chuẩn bị góp vốn tham gia thành viên Hội đồng quản trị của Nhà trường,

Xét tại biên bản họp Hội đồng quản trị của Trường cao đẳng ngày 27/11/2017, Mục 4.4.2. có nội dung "Bà Trần Thị Kim T sẽ góp vốn 10.000.000.000 đồng và sẽ trở thành Hội đồng cổ đông và là thành viên HĐQT tham gia hoạt động của nhà trường". Tại Quyết định số 690/QĐ-TCGDNN ngày 22/06/2018 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc Thành lập Hội đồng quản trị Trường Cao đẳng V nhiệm kỳ 2018-2023 có ghi tên Bà Trần Thị Kim T là thành viên Hội đồng quản trị (sau này vị trí của Bà T được thay thế bằng thành viên khác). Như vậy, tại thời điểm Trường cao đẳng chuyển số tiền 6.950.000.000 đồng thì Bà T chưa phải là nhân viên của Nhà trường, Bà T chỉ chuẩn bị góp vốn tham gia thành viên Hội đồng quản trị của Nhà trường nên không đủ cơ sở để cho rằng Bà T có mối quan hệ thân tình với Nhà trường.

Xét tại Điều 5 của Giấy ủy quyền số 17/UQ-CĐSG ngày 25/11/2017 thể hiện việc ủy quyền không tính thù lao. Tuy nhiên, tại Điều 5 còn thể hiện nội dung: "mọi chi phí giao dịch liên quan đến việc thực hiện công việc ủy quyền (nếu có) Bên ủy quyền chịu". Như vậy, các chi phí liên quan đến việc lấy sổ đất, chi phí cho Ngân hàng và luật sư thì Trường Cao đẳng vẫn phải chịu. Điều này

phù hợp với những nội dung đã phân tích tại mục [2.1], [2.2], [2.3], phù hợp với nội dung các lần Trường cao đẳng chuyển cho Bà T số tiền 1.200.000.000 đồng ngày 01/12/2017 ghi «Chuyển chi phí lấy sổ đất» và lần chuyển tiền 33.000.000 đồng cùng ngày 01/12/2017 ghi là «chi phí cho Ngân hàng và luật sư cô Thanh» (thể hiện tại sổ phụ tài khoản của Bà T).

[2.5] Tại Công văn số: 55-18/CV-CĐSG ngày 06/07/2018 của Trường cao đẳng gửi ông Vương Hoàng L1, đại diện tín dụng của Ngân hàng Vietinbank – CN Tây Sài Gòn có nội dung: *"... Do sơ suất của nhân viên thư ký nhà trường đã dùng nội dung cũ trước đây làm việc với một ngân hàng khác mà quên xóa đi dòng chữ HĐQT đã thanh toán phí vay đáo hạn là 7 tỷ đồng cho Bà Trần Thị Kim T, đồng thời đã ghi thiếu nội dung là HĐQT đồng ý bổ nhiệm Bà Trần Thị Kim T làm Trưởng ban kiểm soát"*.

Xét thấy Trường cao đẳng thừa nhận có gửi công văn này cho ông L, tại công văn có nội dung: "Ngày 05/7/2018, đại diện Hội đồng Quản trị Trường Cao đẳng V là Ông Vũ Khắc Ch có buổi làm việc với đại diện Công ty DNTN TM & SX M là Bà Trần Thị Kim T và đại diện ngân hàng Vietinbank – CN Tây Sài Gòn là Ông Vương Hoàng L1…" và cuối công văn Nhà trường khẳng định là quên xóa đi dòng chữ "*HĐQT đã thanh toán phí vay đáo hạn là 7 tỷ đồng cho Bà Trần Thị Kim T"*. Trường cao đẳng giải thích khi soạn thảo văn bản là do sơ suất của nhân viên thư ký nhà trường đã dung nội dung cũ trước đây làm việc với một Ngân hàng khác. Tuy nhiên, đây chỉ là ý kiến của một bên của Trường cao đẳng, bà T không đồng ý và không thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng không chứng minh được lý do sơ suất đã dùng nội dung cũ trước đây làm việc với một Ngân hàng khác là Ngân hàng nào và trên thực tế giữa nhà trường với Bà T chỉ tồn tại một giao dịch vay và thế chấp tài sản với Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Tây Sài Gòn. Do đó, ý kiến phản bác của Nhà trường là không có cơ sở .

[2.6] Nếu Trường cao đẳng cho rằng cùng góp với bà T số tiền 7.000.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng thì khi ký hợp đồng vay của Bà T số tiền 78.994.998.795 đồng ngày 15/12/2017, Nhà trường bắt buộc phải trừ đi số tiền 7.000.000.000 đồng này ra. Mặt khác, sau khi ký hợp đồng vay tiền ngày 15/12/2017, Trường cao đẳng vẫn thừa nhận nhờ bà T đứng tên vay hộ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn số tiền 78.994.998.795 đồng với tài sản bảo lãnh gồm: Tài sản tại nhà đất A(cơ sở 1) và nhà đất B (cơ sở 2) căn cứ theo Công văn số 31-18/CV-CĐSG ngày 17/5/2018, Công văn số 109-18/CV-CĐSG ngày 29/11/2018 và Công văn số 02-19/CV-CĐSG ngày 05/01/2019. Việc Nhà trường cho rằng cùng góp với Bà T để trả nợ Ngân hàng không được bà T thừa nhận, giữa bà T với Nhà trường cũng không có chứng cứ nào thể hiện hai bên có thỏa thuận về nội dung này. Do đó, ý kiến phản bác này của Nhà trường cũng không có cơ sở.

Nguyên đơn trình bày khi Bà T khởi kiện Trường cao đẳng tại Tòa án nhân dân quận G, Trường cao đẳng cũng đã có yêu cầu khấu trừ số tiền 7.000.000.000

đồng đã góp nhưng không được chấp nhận giải quyết chung trong một vụ án. Xét tại Bản án số 606/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận G đã nhận định số tiền 7.000.000.000 đồng Nhà trường chuyển cho Bà T diễn ra trước thời điểm ký Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ ngày 15/12/2017 nên không chấp nhận khấu trừ số tiền 7.000.000.000 đồng của Nhà trường đã góp cho Bà T vào số nợ của Nhà Trường với Bà T theo Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ ngày 15/12/2017.

Như đã nhận định phần trên thì số tiền 7.000.000.000 đồng là chi phí Trường cao đẳng đã trả cho bà T (thực tế thì Trường Cao đẳng chỉ trả cho bà T số tiền 6.950.000.000 đồng). Do đó có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trường Cao đẳng về việc yêu cầu Bà Trần Thị Kim T trả lại số tiền 7.000.000.000 đồng và tiền lãi, sửa án sơ thẩm đối với phần này.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Trường Cao đẳng V, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Như đã phân tích trên thì đối với khoản tiền 1.200.000.000 đồng Trường cao đẳng chuyển cho Bà T ngày 01/12/2017 ghi nội dung: "Chuyển chi phí lấy sổ đất". Xét thấy nội dung chuyển tiền là chi phí lấy sổ đất không phải là tiền dùng vào việc trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn cũng không giải thích được lý do vì sao ông Ch ghi nội dung: "Chuyển chi phí lấy sổ đất", và cũng không chứng minh được số tiền 1.200.000.000 đồng là tiền dùng vào việc trả nợ cho Ngân hàng.

Do đó, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Bà T phải trả lại số tiền chi phí lấy sổ đất 1.200.000.000 đồng chuyển ngày 01/12/2017 là có cơ sở.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn đã rút yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 50.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn L2 giao trực tiếp cho Bà T ngày 02/12/2017, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu về khoản tiền giảm lãi 2.355.870.965 đồng và tiền lãi:

[4.1] Căn cứ Thông báo số 881/CNAP-KHDN/MGL ngày 02/11/2017, Biên bản làm việc ngày 30/11/2017, Công văn số 1121/NHNo.AP.KTNB ngày 24/11/2020 của Ngân hàng N – Chi nhánh An Phú có cơ sở xác định Ngân hàng có giảm tiền lãi cho Trường cao đẳng số tiền là 2.355.870.965 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 1606-LAV-201300277 ngày 26/02/2013.

Bà T là đại diện theo ủy quyền của Trường cao đẳng chỉ phải chuyển vào tài khoản của Nhà trường đóng cho Ngân hàng số tiền 76.639.127.830 đồng để tất toán hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên ngày 15/12/2017 Trường cao đẳng ký Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ vay của Bà T số tiền là 78.994.998.795 đồng,

đây là số tiền Nhà trường nợ Ngân hàng theo Thông báo số 1000/CNAP-KHDN ngày 23/11/2017 của Ngân hàng. Xét thấy, chênh lệnh số tiền Trường cao đẳng vay của Bà T để trả nợ Ngân hàng và số tiền thực tế phải trả cho Ngân hàng là: 78.994.998.795 đồng - 76.639.127.830 đồng = 2.355.870.965 đồng, số tiền chênh lệnh này đúng bằng số tiền Ngân hàng giảm tiền lãi cho Nhà trường.

Căn cứ theo Giấy ủy quyền số 17/UQ-CĐSG ngày 20/10/2017, công chứng ngày 25/11/2017 và Công văn ủy quyền số 143-17/CV-CĐSG ngày 28/11/2017 thì ngày 30/11/2017 Bà T đã làm việc với Ngân hàng và thống nhất để tất toán hợp đồng tín dụng, Trường cao đẳng sẽ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 76.639.127.830 đồng chậm nhất đến ngày 02/12/2017. Buổi làm việc với Ngân hàng vào ngày 30/11/2017 là sau khi Ngân hàng phát hành Thông báo số 1000/CNAP-KHDN ngày 23/11/2017 nên lẽ ra khi Trường cao đẳng ký Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ ngày 15/12/2017 với Bà T, số tiền vay phải căn cứ vào số tiền đã thống nhất tại Biên bản làm việc 30/11/2017. Bởi lẽ tại Điều 1 Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ ghi rõ mục đích vay là để trả nợ vay quá hạn theo Thông báo số 1000/CNAP-KHDN ngày 23/11/2017, tuy nhiên số tiền quá hạn theo Thông báo số 1000/CNAP-KHDN đã được Ngân hàng xét giảm cho Nhà trường theo biên bản làm việc ngày 30/11/2017.

Trường cao đẳng phải vay của Bà T số tiền 78.994.998.795 đồng để trả cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 1606-LAV-201300277 ngày 26/02/2013, nhưng thực tế để tất toán hợp đồng tín dụng Trường cao đẳng chỉ phải trả cho Ngân hàng số tiền là 76.639.127.830 đồng. Như vậy Trường cao đẳng yêu cầu Bà T trả lại số tiền 2.355.870.965 đồng mà Ngân hàng giảm tiền lãi cho Nhà trường nhưng Bà T chưa trả cho Nhà trường là có cơ sở chấp nhận.

Bà T cho rằng Trường cao đẳng đã nhận được các thông báo của Ngân hàng và biết được Ngân hàng giảm tiền lãi nhưng vẫn chấp nhận vay của Bà T số tiền 78.994.998.795 đồng theo Thông báo số 1000/CNAP-KHDN ngày 23/11/2017 của Ngân hàng, việc giảm tiền lãi giữa Ngân hàng và Trường cao đẳng không liên quan gì đến Bà T nên Bà T không đồng ý trả lại. Tuy nhiên đây cũng không phải là căn cứ để cho rằng Trường cao đẳng chấp nhận cho Bà T được hưởng số tiền lãi mà Ngân hàng giảm cho Nhà trường vì tại Hợp đồng vay tiền ngày 15/12/2017 hai bên không có thỏa thuận này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà T có nộp thêm 14 giấy nộp tiền của những người có tên Hoàng Vy B, Nguyễn Hoàng M, Trần Anh Q, thể hiện từ ngày ngày 25/12/2017 đến ngày 09/01/2018 những người này đã chuyển vào tài khoản của Trường cao đẳng tổng số tiền là 1.984.000.000 đồng. Trong đó chỉ có 01 giấy nộp tiền ghi nội dung «Trần Thị Kim T nộp tiền», các giấy nộp tiền khác không ghi nội dung hoặc chỉ ghi «chuyển tiền».

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn thừa nhận Trường cao đẳng có nhận số tiền 1.984.000.000đồng, tuy nhiên đây là số tiền mà các cá nhân trên góp với bà T để góp vốn vào Trường cao đẳng, không liên quan đến khoảng vay giữa nguyên đơn và bị đơn và cũng không liên quan đến vụ án này. Nhà trường

không quen biết những người đã nộp tiền trên.

Phía bà T cho rằng từ ngày 25/12/2017 đến ngày 09/01/2018, bà đã nộp vào tài khoản nhà trường số tiền 2.000.500.000đồng thể hiện tại 14 giấy nộp tiền, bản cam kết và mail ngày 27/12/2017. Tổng số tiền bà T đã chuyển cho Trường cao đẳng gồm: 76.639.127.830 đồng + 355.370.965 đồng (là tiền lãi của số tiền 76.639.127.830 đồng từ ngày 02/12/2017 – 15/12/2017) + 2.000.500.000đồng = 78.994.998.795đồng, bà T cho rằng đúng bằng số tiền mà bà cho Trường cao đẳng vay tại Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ ngày 15/12/2017.

Xét giữa Trường cao đẳng và bà T không có thỏa thuận gì về số tiền 355.370.965 đồng và số tiền 2.000.500.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T đã xác định số tiền theo 14 giấy nộp tiền không phải là tiền giảm lãi ngân hàng mà là tiền bà góp vào để đủ số tiền 78.994.998.795đồng mà bà cho nhà trường vay. Hơn nữa nội dung các giấy chuyển tiền trên không ghi rõ mục đích chuyển tiền là giảm lãi, đại diện Trường cao đẳng cũng không thừa nhận. Số tiền 1.984.000.000 đồng cũng không trùng khớp với số tiền Trường cao đẳng được Ngân hàng giảm lãi là 2.355.870.965 đồng.

Như vậy số tiền 1.984.000.000 đồng theo 14 giấy nộp tiền của những người có tên Hoàng Vy B, Nguyễn Hoàng M, Trần Anh Q đã chuyển vào tài khoản của Trường cao đẳng từ ngày ngày 25/12/2017 đến ngày 09/01/2018 là các giao dịch khác, trường hợp Bà T hoặc những người có tên trong giấy chuyển tiền nếu có tranh chấp liên quan đến các giấy nộp tiền thì có quyền khởi kiện Trường cao đẳng bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà T về tiền giảm lãi là không có cơ sở để chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm phần này.

[4.2] Về tiền lãi của số tiền 2.355.870.965 đồng, xét:

Ngày 02/12/2017, Bà T hoàn tất việc giải ngân cho Nhà trường. Ngày 15/12/2017 Trường cao đẳng vay của Bà T số tiền 78.994.998.795 theo Hợp đồng vay tiền số 01/2017/HĐ, trong đó bao gồm cả số tiền 2.355.870.965 đồng Ngân hàng đã giảm tiền lãi cho Nhà trường mà lẽ ra Nhà trường không phải vay số tiền này. Như vậy thời điểm ngày 15/12/2017 Bà T đã có nghĩa vụ phải trả lại cho Trường cao đẳng số tiền lãi được Ngân hàng giảm là 2.355.870.965 đồng.

Tòa sơ thẩm tính tiền lãi phát sinh do Bà T chậm hoàn trả số tiền 2.355.870.965 đồng cho Nhà trường, từ ngày 16/12/2017 đến ngày 26/12/2020 (Trường cao đẳng tự nguyện tính tròn 03 năm) theo mức theo mức lãi suất quy định tại điều tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm, cụ thể là: 2.355.870.965 đồng x 03 năm x 10%/năm = 706.761.289 đồng là đúng quy định nên giữ nguyên như án sơ thẩm.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trường cao đẳng V và chấp nhận một phần kháng cáo của bị

đơn Bà Trần Thị Kim T, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về đưa người tham gia tố tụng và kháng cáo của nguyên đơn đối với số tiền 50.000.000đồng. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T phải trả cho Trường cao đẳng tiền Trường cao đẳng được ngân hàng giảm lãi là 2.355.870.965 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 706.761.289 đồng. Tổng cộng là 3.062.632.254 đồng.

Số tiền Trường cao đẳng yêu cầu Bà T trả không được chấp nhận là: 12.162.631.000 đồng - 3.062.632.254 đồng = 9.099.998.746 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa lại số tiền bị đơn phải thi hành nên phần án phí dân sự sơ thẩm được điều chỉnh lại.

Bị đơn là Bà T, sinh năm 1958 là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm (tính trên số tiền yêu cầu bị đơn phải trả không được chấp nhận) số tiền là 117.099.999 đồng.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Trường Cao đẳng V phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 4, 8, 11, 105, 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trường cao đẳng Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch Sài Gòn.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Trần Thị Kim T.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với số tiền 50.000.000 đồng và kháng cáo của bị đơn về đưa người tham gia tố tụng.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Trường Cao đẳng V:

Buộc bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho Trường Cao đẳng V số tiền 2.355.870.965 đồng tiền lãi trường được giảm và 706.761.289 đồng tiền lãi do chậm thanh toán, tổng cộng là 3.062.632.254 đồng (Ba tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng)

Kể từ ngày Trường Cao đẳng V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Bà Trần Thị Kim T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trường Cao đẳng V về yêu cầu Bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho Trường Cao đẳng V số tiền góp giải ngân và tiền lãi chậm trả không đúng quy định là 9.099.998.746 đồng (Chín tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng).

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim T được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Trường Cao đẳng V chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 117.099.999 đồng (Một trăm mười bảy triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.500.000 đồng (năm mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2019/0014430 ngày 06/03/2020 và 56.386.402 đồng (năm mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm lẻ hai đồng) theo biên lai số: AA/2019/0014771 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Cao đẳng V còn phải nộp thêm số tiền án phí là 3.213.597 đồng (Ba triệu, hai trăm mười ba nghìn, năm trăm chín mươi bảy đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trường Cao đẳng V chịu số tiền 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng Trường Cao đẳng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0049995 ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận K;
- Chi cục THADS Quận K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Huỳnh Tú